TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2018/HS-ST
Ngày: 31-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hải

Ông Lê Anh Giàu

Thư ký phiên toà: Ông Lê Hoàng Út - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Huỳnh T Nhã - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 90/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 96/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

TRẦN THỊ NGỌC TH (Ngọc), sinh năm: 1995 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số 282/1, ấp M, xã S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Minh Đ và bà Nguyễn Thị Thu T; Chồng: Nguyễn T T, sinh năm: 1991; Có 01 người con sinh năm 2016; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

- *Bị hại:*

1. Nguyễn Tấn T, sinh năm: 1970;

2. Nguyễn Thị Kim L (Phượng), sinh năm: 1972; (Có mặt)

Nơi cư trú: Số 282/1, ấp M, xã S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

(Ông Nguyễn Tấn T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim L tham gia tố tụng)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1991;

Nơi cư trú: Số 282/1, ấp M, xã S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

2. Bùi Trọng H, sinh năm: 1982;

Nơi cư trú: Số 34, đường N, khu phố M, Phường H, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

3. Trần Thị Mỹ T, sinh năm: 1957;

Nơi cư trú: Số 34, đường L, khu phố M, Phường H, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

4. Nguyễn Anh D, sinh năm: 1960;

Nơi cư trú: Số 796/1, ấp M, xã S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Ngọc Th là con dâu của chị Nguyễn Thị Kim L và chung sống với chị L tại số 282/1, ấp M, xã S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Do có mượn nợ của nhiều người, không có khả năng trả nợ nên Th nảy sinh ý định trộm cắp vàng của chị L để bán lấy tiền trả nợ và tiêu xài. Để thực hiện ý định, khoảng 14 giờ ngày 23/6/2018, Th lẻn vào phòng ngủ của chị L lấy chìa khóa đang để trong rổ nhựa trên kệ tivi, mở tủ quần áo của chị L thì phát hiện chị L để vàng trong túi quần treo trong tủ. Thấy vậy, Th đóng và khóa tủ lại rồi để chìa khóa lại chỗ cũ. Đến khoảng 10 giờ ngày 24/6/2018, lợi dụng lúc chị L không có ở nhà, Th tiếp tục lẻn vào phòng ngủ của chị L, lấy chìa khóa mở tủ quần áo lấy số vàng mà chị L cất trong túi quần treo trong tủ gồm: 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 01 lượng 03 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 01 lượng; 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 05 chỉ; 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 07 phân; 02 nhẫn vàng 24K (mỗi chiếc có trọng lượng 02 chỉ) và 02 mặt dây chuyền hình ông phật được làm bằng cẩm thạch, bên ngoài có bọc vàng 18K trọng lượng 01 chỉ. Sau khi lấy được số vàng, Th đem 01 nhẫn vàng 24K trọng lượng 02 chỉ bán cho tiệm vàng Thanh B ở số 02, đường L, Khu phố M, Phường H, thành phố BT, tỉnh Bến Tre được 7.080.000 đồng. Bán xong, Th đưa cho chồng là Nguyễn Thanh T 1.000.000 đồng và trả nợ hết 600.000 đồng. Sau đó, Th tiếp tục đem sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 01 lượng 03 chỉ bán cho tiệm vàng Phú H ở số 34, đường N, Khu phố M, Phường H, thành phố BT, tỉnh Bến Tre được 26.000.000 đồng; Th mua lại: 01 lắc vàng có chữ "T*650" kiểu chữ N, trọng lượng 01 chỉ 01 phân 06 ly; 01 dây chuyền vàng có chữ "T*650" kiểu mắc xích, trọng lượng 09 phân 04 ly; 01 dây chuyền vàng có chữ "PNJ680", trọng lượng 01 chỉ 00 phân 06 ly; 01 dây chuyền vàng kiểu lật chồng, trọng lượng 04 chỉ 03 phân 02 ly; 01 mặt dây chuyền hình ông phật bên ngoài bọc vàng có ghi chữ "T*650", trọng lượng 03 phân 07 ly và 01 nhẫn vàng có ghi chữ "T*650", trọng lượng 02 phân 08 ly đem về cất giấu. Sau đó, Th tiếp tục đem số vàng lấy trộm của chị L còn lại gồm: 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 01 lượng; 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 05 chỉ; 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 07 phân; 01 nhẫn vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ và 02 mặt dây chuyền hình ông phật được làm bằng cẩm thạch, bên ngoài có bọc vàng 18K trọng lượng 01 chỉ bán cho tiệm vàng T Bạch được 45.530.000 đồng. Có được tiền, Th đem trả nợ hết 21.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết 7.090.000 đồng. Sau đó hành vi của Th bị phát hiện.

Vật chứng thu giữ:

- 01 lắc vàng có chữ "T*650" kiểu chữ N.

- 01 dây chuyền vàng có chữ "T*650" kiểu mắc xích.

- 01 dây chuyền vàng có chữ "PNJ680".

- 01 dây chuyền vàng kiểu lật chồng.

- 01 mặt dây chuyền hình ông phật bên ngoài có ghi chữ "T*650".

- 01 nhẫn vàng có ghi chữ "T*650".

- Tiền Việt Nam: 27.000.000 đồng.

(do Trần Thị Ngọc Th giao nộp)

Theo Bảng kết luận định giá trị tài sản số 755/KL-HĐĐG ngày 12/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Bến Tre, kết luận:

- 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 01 lượng 03 chỉ. Trị giá tài sản ngày 24/6/2018: giá mua: 30.160.000 đồng; giá bán: 32.110.000 đồng

- 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 01 lượng. Trị giá tài sản ngày 24/6/2018: giá mua: 23.200.000 đồng; giá bán: 24.700.000 đồng

- 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 05 chỉ. Trị giá tài sản ngày 24/6/2018: giá mua: 11.600.000 đồng; giá bán: 12.350.000 đồng

- 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 07 phân. Trị giá tài sản ngày 24/6/2018: giá mua: 1.624.000 đồng; giá bán: 1.729.000 đồng

- 02 nhẫn vàng 24K, mỗi chiếc có trọng lượng 02 chỉ. Trị giá tài sản ngày 24/6/2018: giá mua: 14.180.000 đồng; giá bán: 14.340.000 đồng

- 02 mặt dây chuyền hình ông phật được làm bằng cẩm thạch, bên ngoài có bọc vàng 18K trọng lượng 01 chỉ. Trị giá tài sản ngày 24/6/2018: giá mua: 2.320.000 đồng; giá bán: 2.470.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 95/KSĐT-KT ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc Th về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc Th từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Ghi nhận Cơ quan điều tra đã giao cho bị hại Nguyễn Thị Kim L: 01 lắc vàng có chữ "T*650" kiểu chữ N, trọng lượng 01 chỉ 01 phân 06 ly; 01 dây chuyền vàng có chữ "T*650" kiểu mắc xích, trọng lượng 09 phân 04 ly; 01 dây chuyền vàng có chữ "PNJ680", trọng lượng 01 chỉ 00 phân 06 ly; 01 dây chuyền vàng kiểu lật chồng, trọng lượng 04 chỉ

03 phân 02 ly; 01 mặt dây chuyền hình ông phật bên ngoài bọc vàng có ghi chữ "T*650", trọng lượng 03 phân 07 ly và 01 nhẫn vàng có ghi chữ "T*650", trọng lượng 02 phân 08 ly và 27.000.000 đồng do bị cáo giao nộp; Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại L 35.973.000 đồng. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo không có thu nhập ổn định.

Bị cáo Trần Thị Ngọc Th có lời khai tại phiên tòa là vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 24/6/2018, tại nhà số 282/1, ấp M, xã S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị Kim L: 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 01 lượng 03 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 01 lượng; 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 05 chỉ; 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 07 phân; 02 nhẫn vàng 24K (mỗi chiếc có trọng lượng 02 chỉ) và 02 mặt dây chuyền hình ông phật được làm bằng cẩm thạch, bên ngoài có bọc vàng 18K trọng lượng 01 chỉ. Sau khi chiếm đoạt tài sản, bị cáo đem đi bán số vàng trên lấy tiền tiêu xài, đưa cho chồng bị cáo 1.000.000 đồng và mua vàng cho cá nhân. Bị cáo đồng ý với các kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản của Hội đồng định giá, không có khiếu nại gì khác. Bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật về đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại L có lời trình bày: Số vàng bị bị cáo lấy trộm đúng như bị cáo khai. Bà đã nhận được một khoản đã thu hồi được do Cơ quan điều tra Công an thành phố Bến Tre giao. Còn lại theo định giá 35.973.000 đồng bà yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp cho bà. Về phần trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Trọng H trình bày: Anh là chủ tiệm vàng Phú H ở Phường H, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Anh không biết số vàng bị cáo bán cho tiệm vàng của anh là do phạm tội mà có, nếu biết anh không đồng ý mua. Hiện nay, bị cáo không còn thiếu khoản tiền nào đối với anh, anh không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh T trình bày: anh là chồng của bị cáo Th, vào khoảng cuối tháng 6 năm 2018 bị cáo có cho anh 1.000.000 đồng nói tiền của bị cáo Th tự có, anh không biết do trộm mà có nên anh nhận, nếu biết anh không nhận. Tại tòa, anh không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên sơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Trần Thị Ngọc Th tại phiên tòa là vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 24/6/2018, tại nhà số 282/1, ấp M, xã S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị Kim L: 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 01 lượng 03 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 01 lượng; 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 05 chỉ; 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 07 phân; 02 nhẫn vàng 24K (mỗi chiếc có trọng lượng 02 chỉ) và 02 mặt dây chuyền hình ông phật được làm bằng cẩm thạch, bên ngoài có bọc vàng 18K trọng lượng 01 chỉ. Sau khi chiếm đoạt tài sản, bị cáo đem đi bán số vàng trên lấy tiền tiêu xài và mua vàng cho cá nhân. Đối chiếu với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác thu thập được trong quá trình điều tra là phù hợp nhau. Tổng giá trị tài sản của các bị hại bị chiếm đoạt được Hội đồng định giá tài sản xác định 83.084.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý với giá trị, không khiếu nại gì và Hội đồng định giá tài sản đã thực hiện các trình tự, thủ tục để tiến hành định giá đúng theo quy định pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ giá trị Hội đồng định giá xác định để xét xử đối với bị cáo. Bị cáo Th có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện và hậu quả đã xảy ra. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận bị cáo Th phạm tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung tăng nặng "Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, sinh hoạt hằng ngày.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng. Xét tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng như đã bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đang trực tiếp nuôi con dưới 18 tuổi theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nhân thân tốt nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định. Căn cứ vào tính chất mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Thị Kim L đã nhận các tài sản do bị cáo giao nộp, bao gồm: 01 lắc vàng có chữ "T*650" kiểu chữ N, trọng lượng 01 chỉ 01 phân 06 ly; 01 dây chuyền vàng có chữ "T*650" kiểu mắc xích, trọng lượng 09 phân 04 ly; 01 dây chuyền vàng có chữ "PNJ680", trọng lượng 01 chỉ 00 phân 06 ly; 01 dây chuyền vàng kiểu lật chồng, trọng lượng 04 chỉ 03 phân 02 ly; 01 mặt dây chuyền hình ông phật bên ngoài bọc vàng có ghi chữ "T*650", trọng lượng 03 phân 07 ly và 01 nhẫn vàng có ghi chữ "T*650", trọng lượng 02 phân 08 ly và 27.000.000 đồng.

Đồng thời yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường 35.973.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại L nên ghi nhận để buộc bị cáo thực hiện.

[6] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã thu giữ các tài sản có liên quan đến vụ án do bị cáo giao nộp, bao gồm: 01 lắc vàng có chữ "T*650" kiểu chữ N, trọng lượng 01 chỉ 01 phân 06 ly; 01 dây chuyền vàng có chữ "T*650" kiểu mắc xích, trọng lượng 09 phân 04 ly; 01 dây chuyền vàng có chữ "PNJ680", trọng lượng 01 chỉ 00 phân 06 ly; 01 dây chuyền vàng kiểu lật chồng, trọng lượng 04 chỉ 03 phân 02 ly; 01 mặt dây chuyền hình ông phật bên ngoài bọc vàng có ghi chữ "T*650", trọng lượng 03 phân 07 ly và 01 nhẫn vàng có ghi chữ "T*650", trọng lượng 02 phân 08 ly và 27.000.000 đồng. Bị cáo đã thỏa thuận với bị hại dùng tài sản bị thu giữ để giao cho bị hại, thỏa thuận này là phù hợp nên Cơ quan điều tra đã giao các tài sản trên cho bị hại là phù hợp nên ghi nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với bị cáo Trần Thị Ngọc Th "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đối với Nguyễn Thanh T khi nhận số tiền 1.000.000 đồng do bị cáo đưa, không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Trần Thị Ngọc Th phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngọc Th (Ngọc) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc Th 01 (Một) năm 6 (Sáu) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự:

- Ghi nhận bị hại Nguyễn Thị Kim L đã nhận các tài sản do bị cáo giao nộp, bao gồm: 01 (Một) lắc vàng có chữ "T*650" kiểu chữ N, trọng lượng 01 chỉ 01 phân 06 ly; 01 (Một) dây chuyền vàng có chữ "T*650" kiểu mắc xích, trọng lượng 09 phân 04 ly; 01 (Một) dây chuyền vàng có chữ "PNJ680", trọng lượng 01 chỉ 00 phân 06 ly; 01 (Một) dây chuyền vàng kiểu lật chồng, trọng lượng 04 chỉ 03 phân 02 ly; 01 (Một) mặt dây chuyền hình ông phật bên ngoài bọc vàng có ghi chữ "T*650", trọng lượng 03 phân 07 ly và 01 (Một) nhẫn vàng có ghi chữ "T*650", trọng lượng 02 phân 08 ly và 27.000.000 (Hai mươi bảy triệu) đồng.

- Buộc bị cáo bồi thường tiếp cho bị hại Nguyễn Thị Kim L 35.973.000 (Ba mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn) đồng.

Kể từ ngày bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền bồi thường nêu trên nếu chưa được thi hành thì hàng tháng bị cáo phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Áp dụng 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Ghi nhận Cơ quan điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao cho bị hại Nguyễn Thị Kim L: 01 (Một) lắc vàng có chữ "T*650" kiểu chữ N, trọng lượng 01 chỉ 01 phân 06 ly; 01 (Một) dây chuyền vàng có chữ "T*650" kiểu mắc xích, trọng lượng 09 phân 04 ly; 01 (Một) dây chuyền vàng có chữ "PNJ680", trọng lượng 01 chỉ 00 phân 06 ly; 01 (Một) dây chuyền vàng kiểu lật chồng, trọng lượng 04 chỉ 03 phân 02 ly; 01 (Một) mặt dây chuyền hình ông phật bên ngoài bọc vàng có ghi chữ "T*650", trọng lượng 03 phân 07 ly và 01 (Một) nhẫn vàng có ghi chữ "T*650", trọng lượng 02 phân 08 ly và 27.000.000 (Hai mươi bảy triệu) đồng.

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 23, Điều 26 và Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thị Ngọc Th phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 1.798.600 (Một triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (1b);
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ (6b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Ngô Văn Trình